TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2026/HS-ST
Ngày: 03-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng

Ông Phạm Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 223/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1984, tại An Giang, số CCCD: 089184012265; địa chỉ thường trú: ấp L, xã L, huyện C (nay là ấp L, xã N), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C) và bà Lê Thị B; có chồng là Huỳnh Tèo E, có 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 28/4/2025 sau đó tạm giam cho đến nay; (có mặt)

2. Lê Thị Kim N, sinh năm 1997, tại An Giang, số CCCD: 089197010226; địa chỉ thường trú: ấp M, thị trấn M, huyện C (nay là ấp M, xã L), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế V và bà Nguyễn Thị Hoàng Y; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 28/4/2025 sau đó tạm giam cho đến nay; (có mặt)

-*Bị hại:* Công ty TNHH T; địa chỉ: căn A lô C, khu T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: 1/ bà Đỗ Thị Trúc H1, sinh năm 1972; địa chỉ

liên lạc: số A, tổ E, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty); 2/ bà Phạm Thị Trúc V1, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: căn A lô C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). (bà V1 có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* bà Phạm Thị Trúc V1, sinh năm 1991; nơi cư trú: căn A lô C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hoàng H và Lê Thị Kim N có mối quan hệ là dì cháu với nhau. Do đang thất nghiệp, không có tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định mua vàng kém chất lượng đem đến các tiệm vàng tại địa bàn tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) lừa bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng tháng 12/2021, H mua của đối tượng tên Chính Đ (không rõ nhân thân) 02 vòng vàng trọng lượng khoảng 02 chỉ, ký hiệu tại chốt móc "K*L*", "610" với số tiền 5.372.000đồng. Ngày 06/02/2022, H tiếp tục mua của Chính Đ 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng khoảng 06 chỉ 05 phân và 01 bộ vòng ximen 14 cái trọng lượng khoảng 01 lượng 07 phân có ký hiệu tại chốt móc "K*L*", "610" với tổng số tiền là 40.000.000đồng nhằm đem tới tiệm vàng lừa bán lấy tiền. Đến ngày 10/02/2022, H rủ N cùng đi đến tiệm V3 (Công ty TNHH T) tại khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp bà Phạm Thị Trúc V1 để thử bán xem bà V1 có phát hiện vàng của H bán là vàng kém chất lượng hay không. Lúc này, H nói N đứng bên ngoài, còn H đi vào tiệm vàng gặp và nói với bà V1 cho bán sợi dây chuyền. Bà V1 kiểm tra thấy bên ngoài sợi dây chuyền đều có ký hiệu "K*L*", "610" nên tưởng là vàng đủ tuổi (vàng 18k như ký hiệu bên ngoài), không biết là vàng kém chất lượng nên đồng ý mua với giá 18.000.000đồng. Sau đó, H đi ra nói cho N biết vàng Hoa bán là vàng kém chất lượng nhưng bà V1 không biết nên H tiếp tục đưa cho N 01 bộ vòng ximen 14 cái đem vào gặp bà V1 để lừa bán, nghe vậy N đồng ý. Sau đó, N vào gặp bà V1 bán được bộ vòng trên với giá khoảng 39.000.000đồng rồi đưa tiền cho H thì H cho N 1.000.000đồng.

Đến ngày 11/02/2022, H tiếp tục liên hệ qua mạng xã hội Zalo với đối tượng C1 Đạt mua 02 sợi dây chuyền vàng trọng lượng mỗi sợi khoảng 06 chỉ 05 phân và 02 bộ vòng ximen gồm 42 cái, mỗi bộ trọng lượng khoảng 01 lượng 77 phân đều có ký hiệu "K*L*", "610" với tổng số tiền là 90.000.000đồng. Ngày 17/02/2022, H và N tiếp tục đến lừa bán tại tiệm V3. Lần này, H đưa cho N 01 sợi dây chuyền vàng rồi nói N vào trong tiệm bán, N bán sợi dây chuyền trên được khoảng 18.000.000đồng. Tiếp đó, H đem bán 02 chiếc vòng trơn và 01 bộ vòng ximen gồm 21 chiếc với giá khoảng 41.000.000đồng, rồi H cho N 1.000.000đồng. Ngày 19/02/2022, H một mình đến tiệm V3 Vy gặp bà V1 để lừa bán 01 sợi dây chuyền vàng và 01 bộ vòng ximen gồm 21 chiếc đều có ký hiệu "K*L*", "610"

với giá khoảng 51.000.000đồng. Đến ngày 26/02/2023, bà V1 đem số vàng đã mua trên đi kiểm định tại Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện vàng chỉ có 03 tuổi (Loại vàng 10K không đủ hàm lượng vàng giống như ký hiệu bên ngoài do pha nhiều tạp chất) nên bà V1 đến Công an phường T trình báo sự việc. Đến ngày 01/3/2023, H tiếp tục đi đến tiệm V3 để lừa bán thì bị Công an phường T mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc, H đã khai nhận cùng N đem vàng kém chất lượng đến lừa bán tại tiệm V3 được 03 lần với tổng số tiền là 167.000.000đồng, trong đó N giúp sức cho H bán hai lần với tổng số tiền 98.000.000đồng. Qua lời khai của H, Công an tiến hành mời N về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Nguyên khai nhận đã giúp sức H bán vàng kém chất lượng tại tiệm V3 được 02 lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 98.000.000đồng, H cho V1 số tiền 2.000.000đồng, việc H mua vàng kém chất lượng ở đâu thì N không biết.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường T (nay là phường T) tiến hành bàn giao H, N cùng hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Công an Thành phố H) giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tạm giữ và niêm phong những vật chứng liên quan gồm:

- 16 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610"; 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá"K*L*"; "610"; 01 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt móc khoá"K*L*"; "610"; 01 thỏi kim loại màu vàng không có ký hiệu; 18 vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610"; 14 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ "Tài Lộc", có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610"; 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610"; 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ "Tài Lộc", có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610"; 02 vòng trơn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610" do bà Phạm Thị Trúc V1 giao nộp.

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu "K L" và "ĐN 610", mặt nhẫn có chữ "Tài Lộc"; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "A610"; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "610"; 01 bộ vòng xi men gồm 21 vòng hình tròn bằng kim loại màu vàng, ở khoá có ký hiệu "K L" và "610" do Nguyễn Thị Hoàng H giao nộp.

Ngày 08/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T ra Quyết định trưng cầu giám định số 377/QĐ-CQCSĐT đề nghị Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 xác định từng mẫu cần giám định nêu trên là vàng thật hay vàng giả, hàm lượng, trọng lượng.

Tại Kết luận giám định số 3368/KL-KTHS ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Phân viện KHHS tại Tp . kết luận:

- 16 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*", "610": Tổng khối lượng: 42,2219 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 38,19%, V2 (A): 33,63%, B1 (A1): 22,34%;

- 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá"K *L*", "610": Tổng khối lượng: 70,4205 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 37,65%, V2 (A): 29,20%, B1 (A1): 30,77%;

- 01 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt khoá"K *L*", "610": Tổng khối lượng: 1,7747 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 37,91%, V2 (A): 28,49%, B1 (A1): 31,52%;

- 01 thỏi kim loại màu vàng không có ký hiệu: Tổng khối lượng: 38,5690 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 39,45%, V2 (A): 31,12%, B1 (A1): 21,81%;

- 18 vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610": Tổng khối lượng: 48,3883 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu) 37,86%, V2 (A): 27,74%, B1 (A1): 31,76%;

- 14 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ "Tài Lộc", có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610": Tổng khối lượng: 39,6193 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 36,48%, V2 (A): 28,72%, B1 (A1): 32,58%;

- 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610": Tổng khối lượng: 38,2666 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 37,79%, V2 (A): 27,02%, B1 (A1): 31,81%;

- 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ "Tài Lộc", có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610": Tổng khối lượng: 37,7736 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 36,99%, V2 (A): 27,55%, B1 (A1): 33,25%;

- 02 vòng trơn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá "K*L*"; "610": Tổng khối lượng: 8,3081 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 39,17%, V2 (A): 29,68%, B1 (A1): 26,81%;

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu "K L và ĐN 610", mặt nhẫn có chữ "Tài Lộc": Tổng khối lượng: 8,3081 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 20,01%, V2 (A): 59,03%, B1 (A1): 20,95%;

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "A610": Tổng khối lượng: 11,1986 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 21,14%, V2 (A): 60,61%;

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "610": Tổng khối lượng: 23,0583 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 59,83%, V2 (A): 33,49%;

- 01 bộ vòng xi men gồm 21 vòng hình tròn bằng kim loại màu vàng, ở khoá có ký hiệu "K L" và "610": Tổng khối lượng: 40,8019 gam. Thành phần kim loại chủ yếu Đ1 (Cu): 42,03%, V2 (A): 29,90%, B1 (A1): 23,53%.

Về vấn đề dân sự: Bà Đỗ Thị Trúc H1, bà Phạm Thị Trúc V1 yêu cầu Nguyễn Thị Hoàng H, Lê Thị Kim N bồi thường số tiền 250.250.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSHCM-KV ngày 12 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị

cáo Nguyễn Thị Hoàng H, Lê Thị Kim N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H, Lê Thị Kim N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Kim N mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H bồi thường số tiền 250.250.000đồng, bị cáo H tự nguyện bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số vật chứng là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, tài sản do phạm tội mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, vụ án xảy ra từ ngày 10/02/2022 nhưng quá trình điều tra kéo dài, dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, ngày 20/8/2025, 12/5/2026 mới ban hành bản cáo trạng là không đảm bảo nguyên tắc phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật, mục đích giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm của Bộ luật hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, kết quả giám định, định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 10, 17, 19/02/2022, Nguyễn Thị Hoàng H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bán vàng kém chất lượng (vàng không đủ tuổi như ký hiệu) cho Công ty

TNHH T nhằm chiếm đoạt số tiền 167.000.000đồng. Lê Thị Kim N có hành vi giúp sức cho H lừa bán vàng vào các ngày 10 và 17/02/2022 để chiếm đoạt số tiền 98.000.000đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, tham lam nên đã cố ý phạm tội. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm, bị cáo H là người nảy sinh ý định, chuẩn bị công cụ và rủ rê bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H có vai trò cao hơn. Bị cáo N sau khi được rủ rê đã tích cực giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nhằm hưởng lợi.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thực hiện phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, nhận thấy chỉ vì sự tư lợi, tham lam, để có tiền sử dụng, các bị cáo đã đưa thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo bỏ trốn dẫn đến cơ quan điều tra phải truy nã gây khó khăn cho việc điều tra. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T yêu cầu bị cáo H bồi thường tổng số tiền 250.000.000đồng, bị cáo H thống nhất bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với các vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra gồm: 16 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá“K *L*”, “610”, 18 vòng bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 14 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ “Tài Lộc”, có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 21 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có in chữ “Tài Lộc”, có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 02 vòng trơn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu tại chốt móc khoá “K*L*”; “610”, 01 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu tại chốt khoá“K *L*”, “610”, 01 thỏi kim loại màu vàng do bị hại giao nộp. Bị hại xác định đây là công cụ do các bị cáo đã sử

dụng để thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 10, 17, 19/02/2022 và các đối tượng khác đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 13, 20, 24/02/2022, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "610", 01 bộ vòng xi men gồm 21 vòng hình tròn bằng kim loại màu vàng, ở khoá có ký hiệu "K L" và "610" do bị cáo H giao nộp. Đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên, do quá trình điều tra không xác định được phần nào do các bị cáo sử dụng, phần nào do các đối tượng khác sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu toàn bộ sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu "K L và ĐN 610", mặt nhẫn có chữ "Tài Lộc", 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, đầu móc khoá của dây chuyền có ký hiệu "K L" và "A610" do bị cáo H sử dụng tiền có được từ hành vi phạm tội để mua là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã sử dụng xe mô tô hiệu SH Mode (không nhớ biển số) của bị cáo N để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo N đã bán xe mô tô trên cho người khác (không rõ nhân thân) với số tiền 40.000.000đồng, bị cáo N còn hưởng lợi số tiền 2.000.000đồng. Bị cáo H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã mua 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 nhẫn bằng vàng sau đó bán lại được số tiền 2.500.000đồng. Đây là số tiền các bị cáo đã bán xe mô tô là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, tài sản do phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với hành vi của các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản vào các ngày 13, 20, 24/02/2022 tại Công ty TNHH T, kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý theo quy định.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H, Lê Thị Kim N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H 04 (B2) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2025.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim N 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP

ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH T số tiền 250.250.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 16 (mười sáu) vòng bằng kim loại màu vàng, trên chốt móc khóa có ký hiệu "K * L *", tổng khối lượng 42,2219 gam, 03 (ba) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trên chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", tổng khối lượng 70,4205 gam, 01 (một) vòng bằng kim loại màu vàng, tại chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", khối lượng 1,7747 gam, 01 (một) thỏi kim loại màu vàng không có ký hiệu, khối lượng 38,5690 gam, 18 (mười tám) vòng bằng kim loại màu vàng, tại chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", khối lượng 48,3883 gam, 14 (mười bốn) vòng bằng kim loại màu vàng có in chữ "Tài Lộc", tại chốt móc khóa có ký hiệu "K* L * 610", khối lượng: 39,6193 gam, 21 (hai mươi mốt) vòng bằng kim loại màu vàng có in chữ "Tài Lộc", tại chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", khối lượng 38,2666 gam, 21 (hai mươi mốt) vòng bằng kim loại màu vàng, tại chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", tổng khối lượng 37,7736 gam, 02 (hai) vòng trơn bằng kim loại màu vàng, tại chốt móc khóa có ký hiệu "K * L * 610", tổng khối lượng 8,3081 gam, 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu "K L, ĐN 610 và T", khối lượng 2,0452 gam, 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu "K L", "A610", khối lượng 11,1986 gam, 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu "K L", "610", khối lượng 23,0559 gam, 01 (một) bộ vòng xi men gồm 21 (hai mươi mốt) vòng hình tròn bằng kim loại màu vàng, ở khoá có ký hiệu "K L" và "610", khối lượng 40,8019 gam.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H nộp lại số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Thị Kim N nộp lại số tiền 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)).

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H, Lê Thị Kim N mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoàng H phải chịu số tiền 12.512.500đồng (Mười hai triệu năm trăm

mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Trung

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.